

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Quang Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: 15C/111 N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Hồ Huỳnh Thu N, sinh năm 1988; địa chỉ: 15C/111 N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 06 năm, đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, không ai quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N.

[2] Về con chung: Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N có 02 con chung tên là Phạm Hồ Anh K, sinh ngày 07/3/2014; Phạm Hồ Quang P,

sinh ngày 21/6/2016 (Hiện nay cháu K đang ở với chị N, cháu P đang ở với anh Đ; nguyện vọng của cháu K là ở với mẹ, nguyện vọng của cháu P là ở với cha).

Giao cháu Phạm Hồ Anh K cho chị Hồ Huỳnh Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Giao cháu Phạm Hồ Quang P cho anh Phạm Quang Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo Đ xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N xác nhận không có, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N có 02 con chung tên là Phạm Hồ Anh K, sinh ngày 07/3/2014; Phạm Hồ Quang P, sinh ngày 21/6/2016 (Hiện nay cháu K đang ở với chị N, cháu P đang ở với anh Đ).

Giao cháu Phạm Hồ Anh K cho chị Hồ Huỳnh Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Giao cháu Phạm Hồ Quang P cho anh Phạm Quang Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N không có, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0003410 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Phạm Quang Đ và chị Hồ Huỳnh Thu N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. P, thành phố H;
- (ĐKKH số 126 ngày 28/10/2013);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh